

Bản án số: 560/2024/DS-ST.

Ngày: 05/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Khanh
- Bà Võ Phương Trang

- **Thư ký phiên tòa:** ông Võ Minh Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: đường L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973 - Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993 (theo giấy ủy quyền số 3687/2024/UQ-TGD ngày 07/5/2024).

Bị đơn: ông Trần Trung T, sinh năm 1988

Địa chỉ: đường S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu có trong hồ sơ thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/8/2013 ông Trần Trung T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 577.538.020 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 577.914.382 đồng, thứ tự thanh toán được áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông T không có thiện chí trả nợ, nên ngày 06/7/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền tại thời điểm là 41.189.716 đồng gọi là dư nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,9%/tháng (2,6% x 150%).

Tạm tính đến ngày 07/5/2024 ông T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc: 41.189.716 đồng; lãi quá hạn: 35.983.584 đồng. Tổng cộng: 77.173.300 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 41.189.716 đồng nhân với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T cũng tạo điều kiện về thời gian để trả nợ nhưng ông T vẫn chưa thanh toán nợ vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nêu trên, và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 08/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn Trần Trung T đã được Tòa án tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng đương sự vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Trần Trung T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 81.992.530 đồng, trong đó: nợ gốc là 41.189.716 đồng, lãi quá hạn là 40.802.814 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 06/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng đương sự vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các

đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng các bên có xác lập giao dịch tín dụng theo đúng quy định. Phía bị đơn đã sử dụng thẻ, làm phát sinh các giao dịch ghi nợ cũng như việc bị đơn đã thực hiện một phần nghĩa vụ. Xét việc bị đơn chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ với Ngân hàng là chưa thực hiện đúng các thỏa thuận giữa các bên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện ông Trần Trung T yêu cầu trả nợ thẻ tín dụng, đây là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và Ngân hàng. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/8/2024 là 81.992.530 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 06/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 05/8/2013; tóm tắt sao kê giao dịch và thanh toán của ông Trần Trung T, thông báo khởi kiện ngày 28/3/2023 cùng các tài liệu liên quan, thì xác định ông T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông T đã thực hiện giao dịch với số tiền là 577.538.020 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 577.914.382 đồng và ngưng thanh toán. Xét việc bị đơn chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ với Ngân hàng là chưa thực hiện đúng các thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng.

[3.2] Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đương sự vắng mặt không lý do, cũng không có bất cứ ý kiến nào phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu mọi hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) do việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như vắng mặt khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Trần Trung T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 05/8/2024 là 81.992.530 đồng, trong đó: nợ gốc là 41.189.716 đồng, lãi quá hạn là 40.802.814 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng trên số dư nợ gốc kể từ ngày 06/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.099.627 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1. Buộc ông Trần Trung T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/8/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng),

tính đến ngày 05/8/2024 là 81.992.530 (tám mươi một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi) đồng, trong đó: nợ gốc là 41.189.716 (bốn mươi một triệu một trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười sáu) đồng, lãi quá hạn là 40.802.814 (bốn mươi triệu tám trăm lẻ hai nghìn tám trăm mười bốn) đồng.

2. Ông Trần Trung T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trên số dư nợ gốc kể từ ngày 06/8/2024 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Trung T phải chịu 4.099.627 (bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi bảy) đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.782.078 (một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn không trăm bảy mươi tám) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Nguyễn Thành N nộp), theo biên lai thu số 0012233 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba